

Số: 01/2026/QĐST-DS

Lai Châu, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (A). Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Minh D: Ông Trần Quang H, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng N - Chi nhánh T1, Lai Châu.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số H, đường Đ, khu B, xã T, tỉnh Lai Châu.

- **Bị đơn:** - Bà Phí Thị X, sinh năm 1962

- Ông Đỗ Mạnh H1, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Khu A, xã T, tỉnh Lai Châu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn ông Đỗ Mạnh H1 và bà Phí Thị X nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N chi nhánh T1, Lai Châu.

Ông Đỗ Mạnh H1 và bà Phí Thị X có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N chi nhánh T1, Lai C số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7805-LAV-202200613, ngày vay 06/05/2022 cụ thể như sau:

Tiền gốc: 1.200.000.000^d (*một tỷ hai trăm triệu đồng*).

Tổng tiền lãi phải trả đến ngày 24/4/2026 là 474.180.822^d (*bốn trăm bảy mươi tư triệu, một trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó:

+ Lãi trong hạn: 410.350.685^d (*bốn trăm mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng*).

+ Lãi quá hạn: 63.830.137^d (*sáu mươi ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*).

Tổng số tiền phải trả: 1.674.180.822^d (*một tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, một trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*).

2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ:

- Thời gian trả nợ: Ngày 01/6/2026.

- Phương thức trả nợ: Trả 01 lần toàn bộ tiền gốc + tiền lãi phát sinh đến ngày 01/6/2026. Trường hợp đến thời điểm phải trả nợ, bị đơn không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận thì còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, đồng thời nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 778239 do UBND huyện T cấp ngày 11/08/2011, số vào sổ cấp GCN CH00092, diện tích đất là 95,6m² (trong đó đất ở tại đô thị là 95,6m²) tại Thửa số 5, tờ bản đồ số 52, địa chỉ ghi trên GCNQSDĐ là tại Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là Khu A xã T, tỉnh Lai Châu) do Bà Phí Thị X và ông Đỗ Mạnh H1 đứng tên chủ sử dụng, sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 7805LCL-201600455/HĐTC. Trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng khung cứng, bê tông cốt thép có tứ cận, tiếp giáp như sau:

Hướng Nam giáp đường giao thông; Hướng Tây giáp hộ ông Phạm Văn B; Hướng Bắc giáp đất của ông Đỗ Mạnh H1; Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Đ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng N1, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357/Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9/Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30/Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về án phí:

- Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị đơn ông H1, bà X đều là người già (trên 60 tuổi) có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy sẽ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 29.688.739^d (hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Lai Châu;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đoàn Trung Phước